

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 24 - 28/03/2025

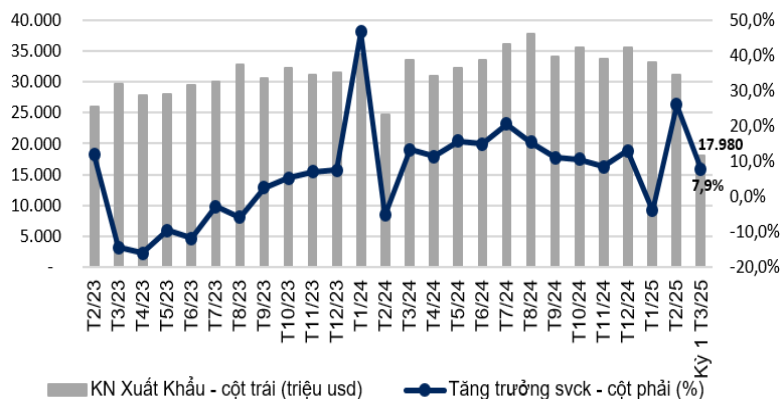


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua



Việt Nam: Xuất nhập khẩu duy trì tăng trưởng trong kỳ 1 tháng 3

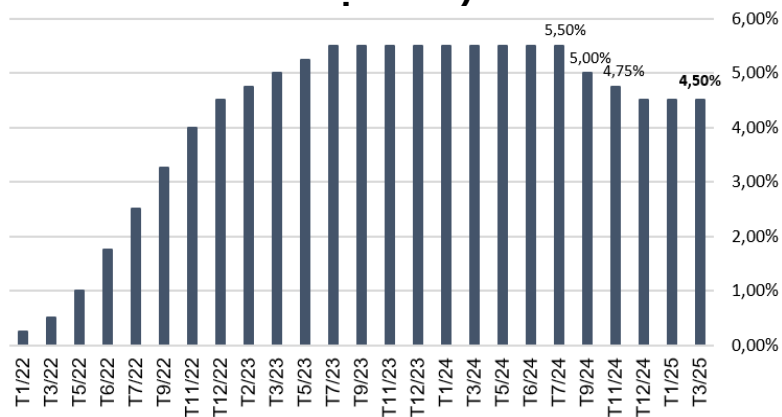
Số liệu xuất khẩu của VN



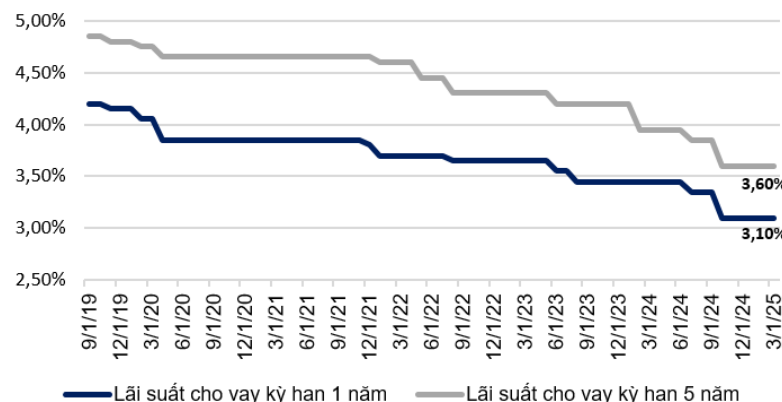
- Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam duy trì tăng trưởng trong kỳ 1 T3/25 với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 35,66 tỷ usd tăng 12% yoy.
 - UBCKNN tiếp tục triển khai nhiều nhóm nội dung để đạt được 2 mục tiêu: nâng hạng thị trường và đưa hệ thống KRX vận hành trong năm 2025.
- Theo số liệu từ Tổng cục Hải Quan, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam duy trì tăng trưởng trong kỳ 1 T3/25 với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 35,66 tỷ usd, tăng 12% yoy. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trong kỳ 1 T3/25 đạt 17,98 tỷ usd tăng 7,9% yoy, lũy kế từ đầu năm cho đến ngày 15/03/2025 kim ngạch xuất khẩu đạt 82,3 tỷ usd tăng 9,1% yoy. Kim ngạch nhập khẩu trong kỳ 1 T3/25 đạt 17,68 tỷ usd tăng 14% yoy, lũy kế từ đầu năm cho đến ngày 15/03/2025 kim ngạch nhập khẩu đạt 80,49 tỷ usd, tăng 15,2% yoy. Cán cân thương mại tính từ đầu năm cho đến ngày 15/03/2025 thặng dư 1,81 tỷ usd.
- Ngày 14/3/2025, tại Hội nghị Thành viên 2025 của Sở giao dịch Chứng Khoan Việt Nam, lãnh đạo của UBCKNN đã đề cập tới 2 mục tiêu quan trọng của thị trường trong năm 2025 là nâng hạng và vận hành hệ thống KRX. Đối với mục tiêu nâng hạng, lãnh đạo cho biết, hiện thị trường Việt Nam cơ bản đã đạt được các tiêu chí nâng hạng của FTSE Russell đưa ra. Tuy nhiên, để được nâng hạng, không chỉ đáp ứng các tiêu chí mà đó là sự đánh giá khách quan của các tổ chức nâng hạng thông qua trải nghiệm khách hàng của họ. Mặc dù cơ bản đã đảm bảo các tiêu chí nâng hạng của FTSE nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm. Mới đây, UBCKNN đã tiếp tục ban hành 9 nhóm nội dung cần triển khai để hướng tới mục tiêu nâng hạng. Về hệ thống KRX đại diện UBCKNN cho biết hiện đang bước vào đợt test cuối cùng và dự kiến thời gian chuyển đổi dữ liệu sẽ vào đợt 30/4 - 1/5.

Thế Giới: Fed và một số NHTW lớn khác giữ nguyên lãi suất điều hành trong kỳ họp tháng 3

Số liệu Lãi suất điều hành của Fed (giá trị cận trên)



Lãi suất cho vay cơ bản của Trung Quốc



www.vndirect.com.vn

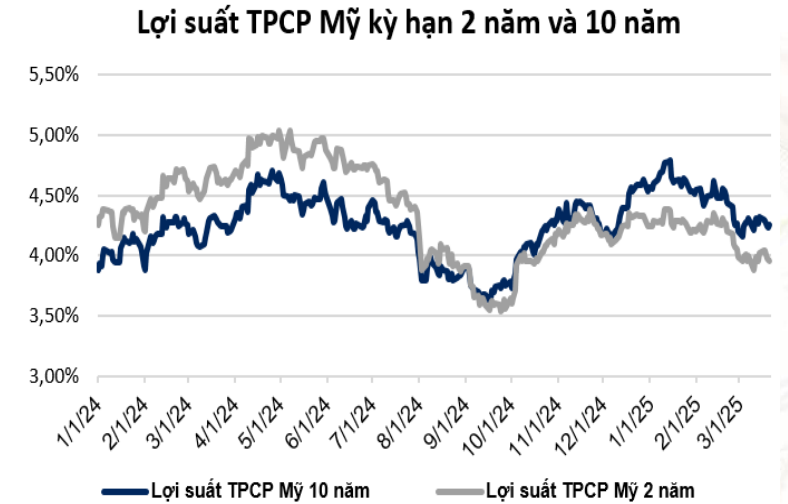
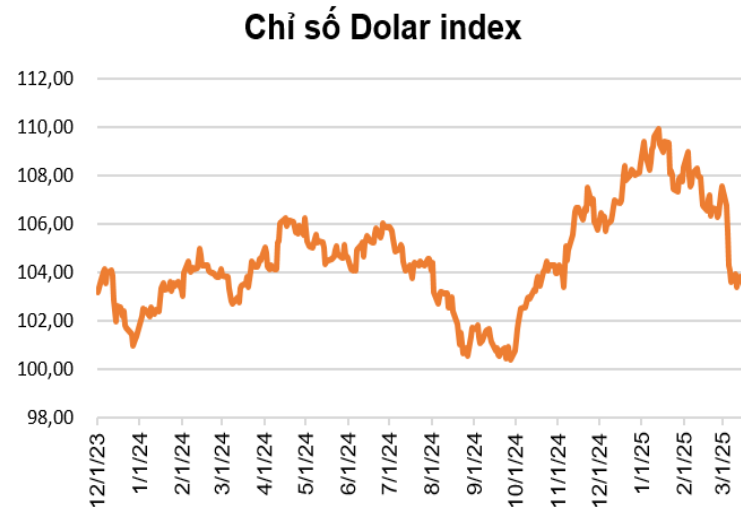
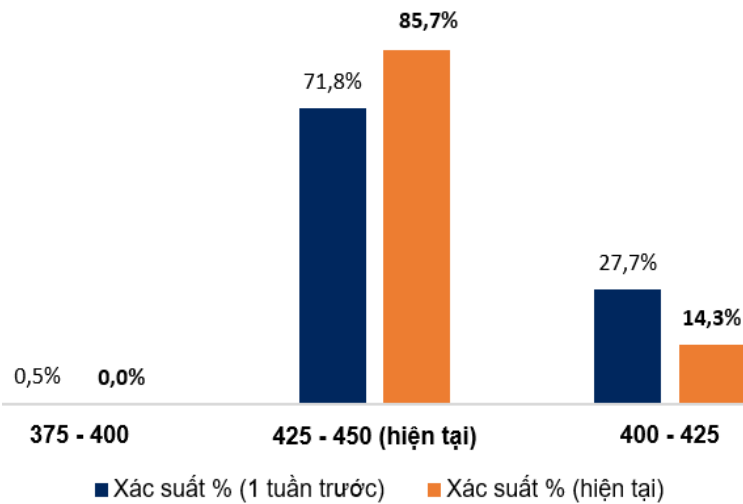
- Fed tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp T3/25, duy trì phạm vi lãi suất quỹ liên bang ở mức 4,25% - 4,5%.
- Các ngân hàng trung ương (NHTW) bao gồm NHTW Nhật Bản, NHTW Anh, NHTW Trung Quốc cũng giữ nguyên lãi suất điều hành trong kỳ họp T3/25.
- Trong cuộc họp chính sách T3/2025, Fed đã quyết định giữ nguyên lãi suất điều hành, với phạm vi lãi suất quỹ liên bang duy trì ở mức 4,25% - 4,5%. Quyết định này của Fed đúng như kỳ vọng của thị trường. Phát biểu sau cuộc họp, Chủ tịch Fed, ông Jerome Powell cho biết hầu hết các thước đo đều cho thấy triển vọng lạm phát vẫn phù hợp với mục tiêu 2,0% trong dài hạn của Fed. Tuy nhiên triển vọng lạm phát năm nay tăng lên phần lớn đến từ yếu tố thuế quan, và có thể chỉ mang tính “tạm thời”, tuy nhiên chưa thể biết chắc và cần chờ thêm diễn biến của thị trường. Ông cũng nhận định Fed đang ở trạng thái không cần vội vàng điều chỉnh lập trường chính sách. Đồng thời cũng nhấn mạnh Fed sẽ điều hành lãi suất cơ sở dựa theo dữ liệu kinh tế và lạm phát tại mỗi cuộc họp trong tương lai. Về dự báo lãi suất, tại cuộc họp này các thành viên của Fed đưa ra dự báo mức lãi suất cuối năm nay có thể ở mức 3,9% (tương đương sẽ có 2 lần cắt giảm 0,25 điểm % trong năm nay).
- Một số Ngân hàng trung ương (NHTW) lớn khác bao gồm NHTW Nhật Bản (BOJ), NHTW Anh (BOE), NHTW Trung Quốc (PBoC) cũng không thay đổi lãi suất điều hành tại kỳ họp T3/25 của các NHTW này. Trong đó BOJ duy trì LSCS ở mức 0,50%. BOE duy trì LSCS ở mức 4,5%, PBoC duy trì lãi suất cho vay cơ sở kỳ hạn 1 năm ở mức 3,1%, kỳ hạn 5 năm ở mức 3,6%.

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp T5/2025

85,7% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành và 14,3% dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 5.2025.

DXY đóng cửa ở mức 104,15 điểm, tăng 0,4% wow và giảm 4% so với đầu năm 2025 (ytd).

Lãi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 3,95% giảm 6,6 bps wow và giảm 28,8 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,25% giảm 7 bps wow và giảm 32 bps ytd



Các số liệu lạm phát gần đây của Mỹ có tiến triển tốt và các thông tin từ kỳ họp T3/25 của Fed mở ra kỳ vọng Fed có thể hạ lãi suất sớm hơn dự báo trước đó đã hỗ trợ cho đà giảm của lãi suất TPCP Mỹ trong tuần qua (cuộc họp tháng 5/2025 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 07/05/25 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 24/03/2025	Mỹ	Số liệu sơ bộ chỉ số PMI lĩnh vực Sản xuất và PMI lĩnh vực Dịch vụ trong tháng 3.2025
Thứ Sáu 28/03/2025	Mỹ	Số liệu chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 2.2025

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế	- Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. - Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024	- Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. - Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. - Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. - Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

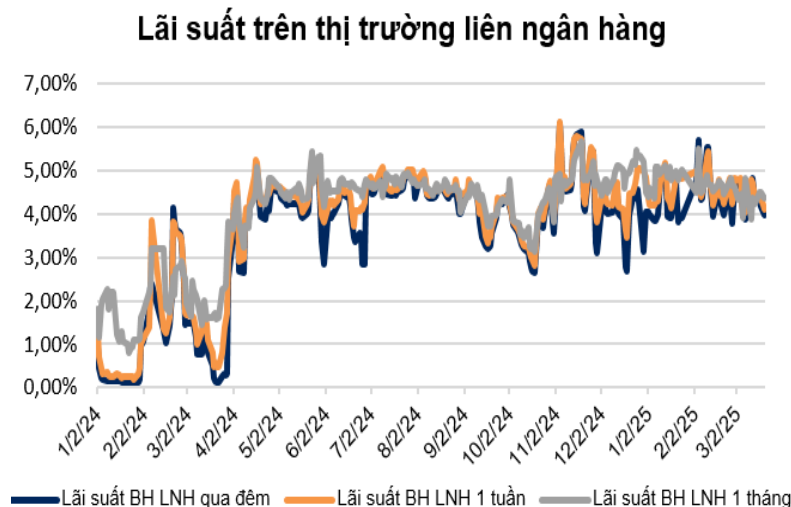
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

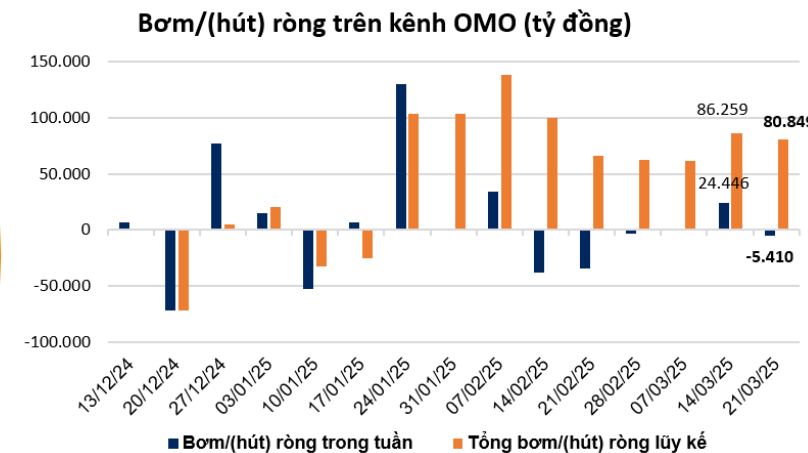


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Tỷ giá USD-VND tiếp tục tăng

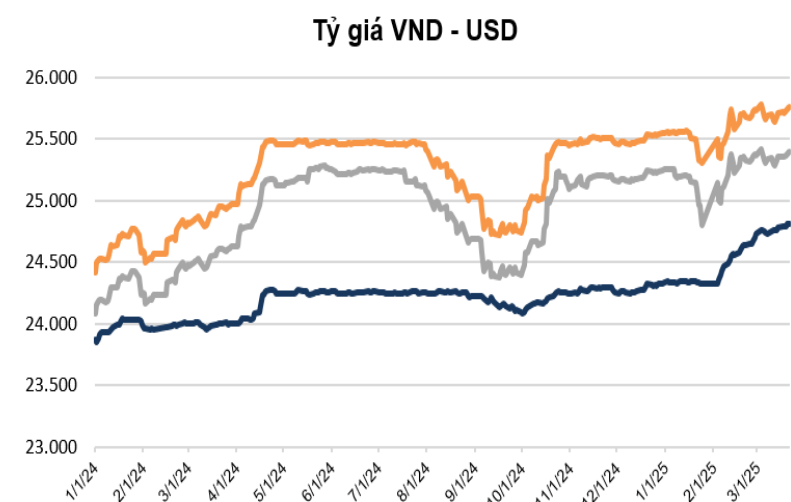
Lãi suất LNH biến động quanh vùng cân bằng. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 3,97% (- 60 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,1% (- 46 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,36% (+ 7 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 20/03/2025)



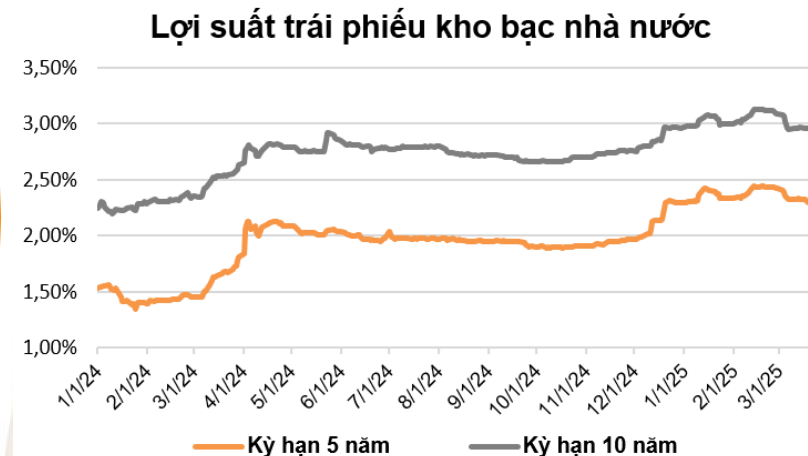
NHNN hút ròng nhẹ trên kênh OMO. Kết tuần NHNN hút ròng 5.410 tỷ đồng. Hiện tổng giá trị bơm ròng lũy kế là 80.849 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND tiếp tục tăng. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.400 đ và 25.760 đ tăng 0,19% wow và tăng 0,82% tính từ đầu năm 2025 (theo giá bán) (ytd). Tỷ giá trung tâm hiện là 24.813 đ, tăng 0,14% wow và tăng 1,96% ytd

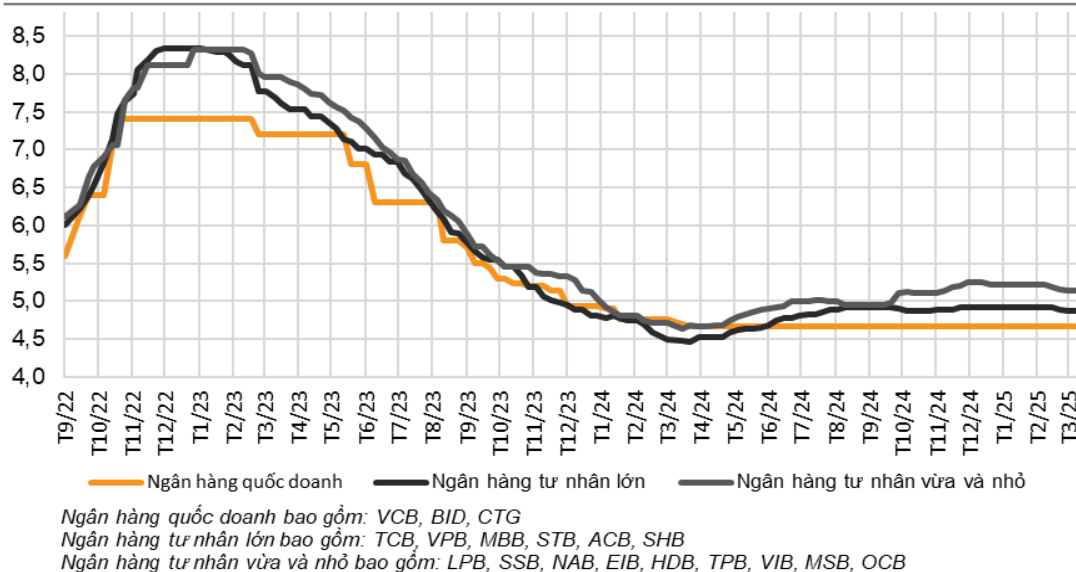


Lợi suất TP KBNN giảm nhẹ, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,96%, giảm 1 bps wow và giảm 1 bps kể từ đầu năm 2025 (ytd), lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 2,3% giảm 2 bps wow và tăng 1 bps ytd.

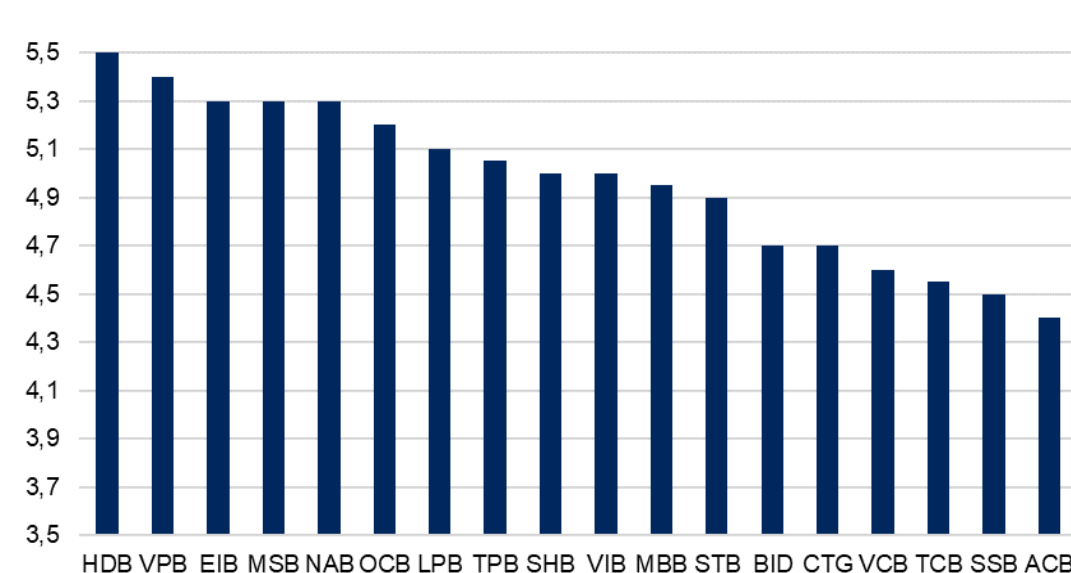


Các NHTM đều giữ mức lãi suất huy động không đổi

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng



Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

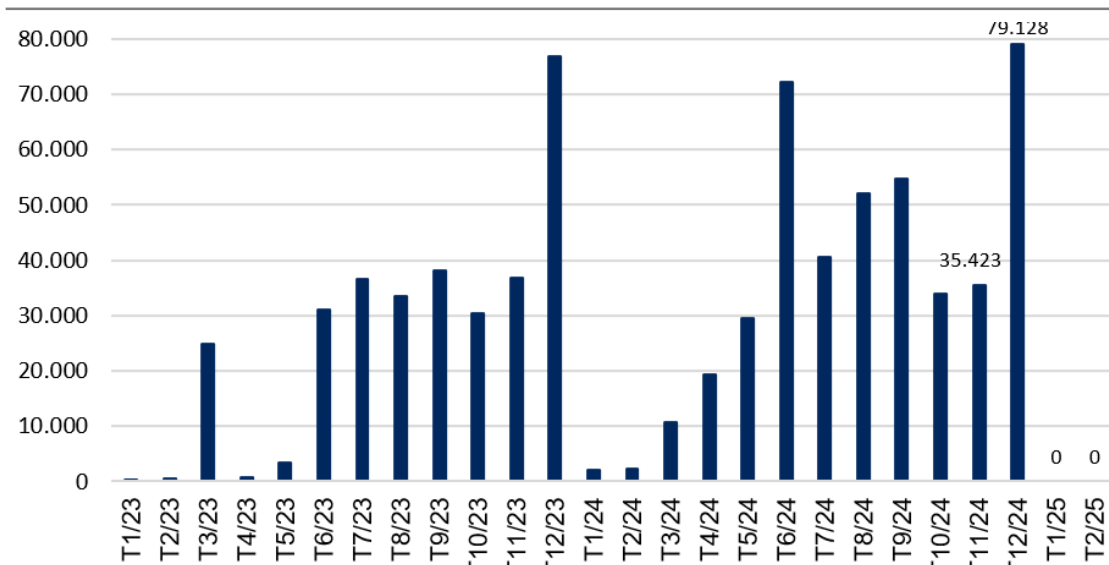


- Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH quốc doanh giữ nguyên tại 4,67%/năm. Bình quân lãi suất kỳ hạn 12 tháng của các NH tư nhân lớn đi ngang tại 4,87% và nhóm NH tư nhân nhỏ đi ngang tại 5,14%.
- Trong tuần từ 14/03 – 21/03/2025, không có NHTM nào giảm lãi suất tại kỳ hạn 12 tháng, 6 tháng và 3 tháng. Hiện HDB có mức lãi suất kỳ hạn 12 tháng cao nhất, đạt 5,5%. ACB có mức lãi suất thấp nhất tại 4,4%.
- Sau khi lãi suất bình quân kỳ hạn 12 tháng của các NHTM giảm trong 2 tuần từ 06/03 đến 14/03, đà giảm đã dừng lại trong tuần này.

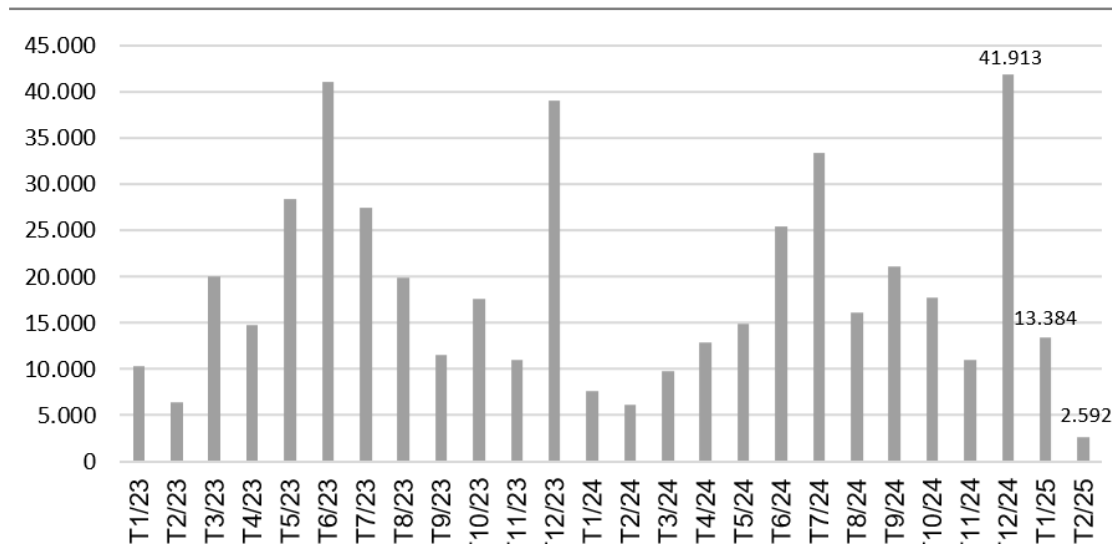
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) trầm lắng trong 2 tháng đầu năm 2025

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 01/03/25



Tổng giá TPDN riêng lẻ mua lại trước hạn theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 01/03/25

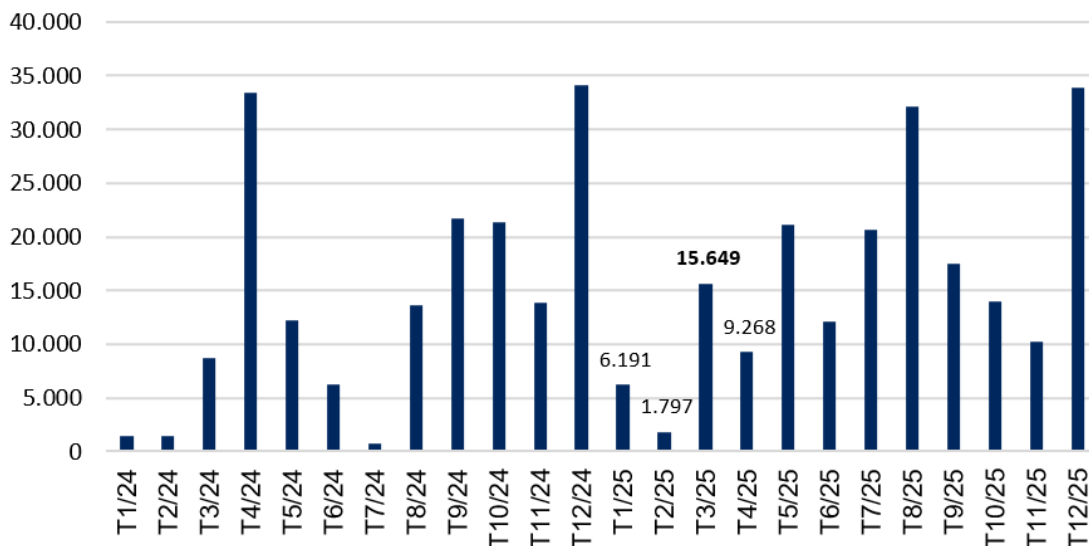


- Theo số liệu được công bố đến ngày 01/03/25, không có đợt phát hành TPDNRL nào trong 2 tháng đầu năm 2025, trong khi thời điểm cùng kỳ năm 2024 có 7 đợt phát hành TPDNRL với tổng giá trị phát hành là 4.315 tỷ đồng. Do đặc thù nhu cầu sử dụng vốn của các doanh nghiệp thời điểm đầu năm thường ở mức thấp nên hoạt động phát hành TPDN có xu hướng trầm lắng trong những tháng đầu năm.
- Tổng giá trị TPDNRL được mua trong 2 tháng đầu năm lại đạt gần 16 nghìn tỷ đồng, giảm mạnh so với T12/24, tuy nhiên vẫn cao hơn 16,2% svck. Đáng chú ý, Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova đã mua lại trước hạn hơn 5,1 nghìn tỷ đồng TPDNRL trong T1/25, đây là các TP được Tập đoàn này phát hành năm 2020 và đều đã được gia hạn thêm kỳ hạn thêm 2 năm, có thời gian đáo hạn là từ T6/25-T8/25.

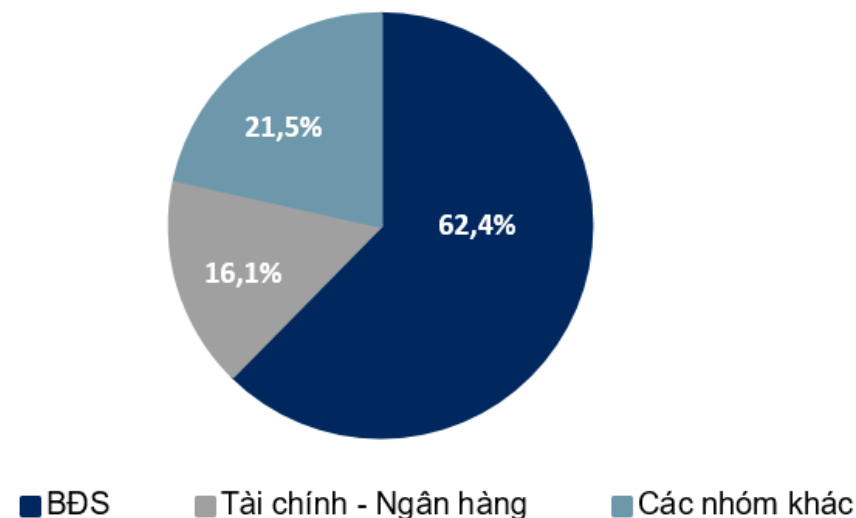
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực TPDN đáo hạn sẽ bắt đầu gia tăng trở lại trong tháng 3

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 01/03/25



Ước tính cơ cấu TPDN đáo hạn theo ngành năm 2025 (thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn đến ngày 01/03/2025)



- Theo số liệu của chúng tôi trong T3/25 sẽ có khoảng hơn 15,6 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, tăng đáng kể so với 2 tháng đầu năm.
- Tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2025 ước khoảng hơn 194 nghìn tỷ đồng (đã loại trừ số TP đã được mua lại trước hạn và số TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 01/03/25). Trong số nhóm BĐS là nhóm có giá trị đáo hạn lớn nhất với tổng giá trị đáo hạn là hơn 121 nghìn tỷ đồng, chiếm 62,4% tổng giá trị đáo hạn năm 2025. Đứng thứ 2 là nhóm Ngân hàng, với tổng giá trị đáo hạn là hơn 31 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,1% tổng giá trị đáo hạn năm 2025.

3.3 Thị trường Bất động sản

Cần lập 'quỹ nhà ở quốc gia' để phát triển nhà giá rẻ

Tổng Bí thư nhắc tới việc lập "Quỹ nhà ở quốc gia" để phát triển nhà giá rẻ tại đô thị lớn, là giải pháp để thúc đẩy đô thị trở thành động lực tăng trưởng quốc gia:

Tổng Bí thư Tô Lâm nhắc đề cập giải pháp để thúc đẩy kinh tế là nhà điều hành cần có chính sách đất đai, bất động sản để giúp thị trường tăng giao dịch, thu hút vốn, thúc đẩy đô thị trở thành động lực tăng trưởng của quốc gia.

Đồng thời đề cập việc thành lập "Quỹ nhà ở quốc gia" nhằm phát triển nhà giá rẻ tại các đô thị lớn. Cùng với đó, nhà điều hành cần tính tới các giải pháp khác như hoàn thiện cơ sở hạ tầng chất lượng cao và đồng bộ cho đô thị, xây dựng hệ thống bản đồ số quốc gia về quy hoạch và giá đất.

Việt Nam đặt mục tiêu có 1 triệu căn nhà ở xã hội vào 2030. Từ 2021-2024, theo số liệu của Bộ Xây dựng, cả nước có 644 dự án nhà ở xã hội được triển khai với quy mô 580.109 căn. Trong đó, chỉ có 96 dự án được hoàn thành với quy mô hơn 57.620 căn. 133 dự án đã khởi công với trên 110.200 căn. Còn lại 415 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư sẽ cung cấp thêm hơn 412.200 căn nếu xây xong.

Năm trước, tại Chỉ thị 34 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới, Ban Bí thư chỉ thị nghiên cứu hình thành quỹ phát triển nhà ở xã hội hoặc mô hình định chế tài chính phù hợp để phát triển nhà ở xã hội dài hạn, bền vững.

3.4 Thị trường hàng hóa

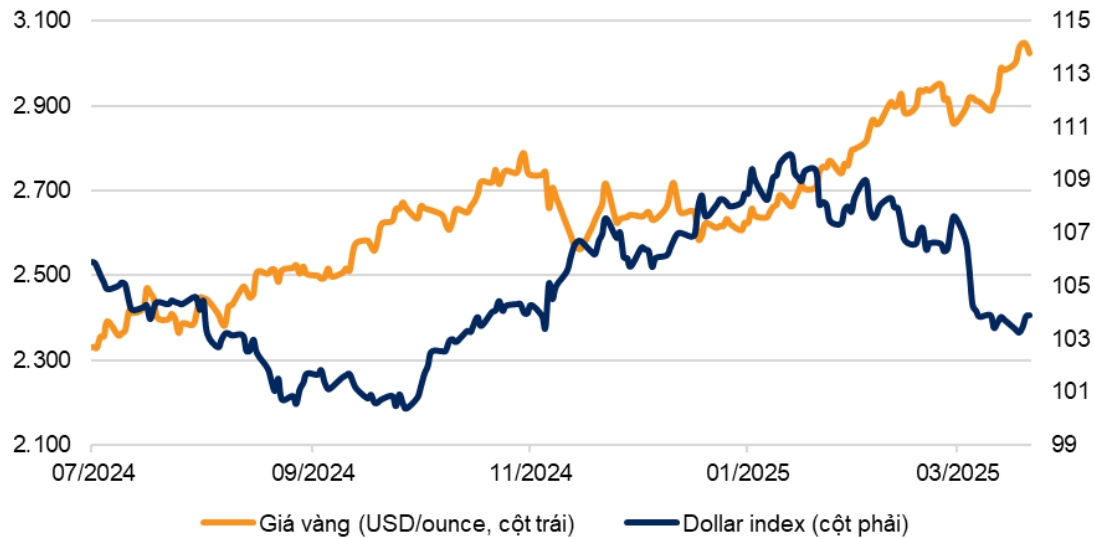
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 21/03/2025):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2025	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	2,24%	-3,05%	-15,88%	-4,97%	
	Khí LNG	-0,89%	-2,06%	45,76%	-13,32%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	-3,72%	-4,90%	-24,37%	-22,15%	
	Quặng sắt	-1,86%	-5,37%	-8,17%	0,43%	
	Đồng	4,48%	11,57%	25,73%	26,37%	
	Niken	-2,18%	3,46%	-8,57%	6,89%	
	PVC	3,04%	0,52%	-16,40%	2,19%	
	Cao su	1,41%	-9,21%	-4,93%	-9,66%	
	Gỗ	4,64%	8,59%	10,91%	25,07%	
Nông nghiệp	Urê	-1,13%	2,20%	8,36%	7,18%	
	Lúa Mỹ	2,29%	-5,38%	2,10%	2,29%	
	Gạo tằm 5%	0,24%	-1,90%	-32,56%	-22,15%	
	Đường	2,76%	-7,46%	-10,61%	-0,05%	
	Thịt lợn	-4,12%	2,19%	25,42%	10,86%	
Kim loại quý	Vàng thời	1,27%	2,93%	38,55%	13,70%	

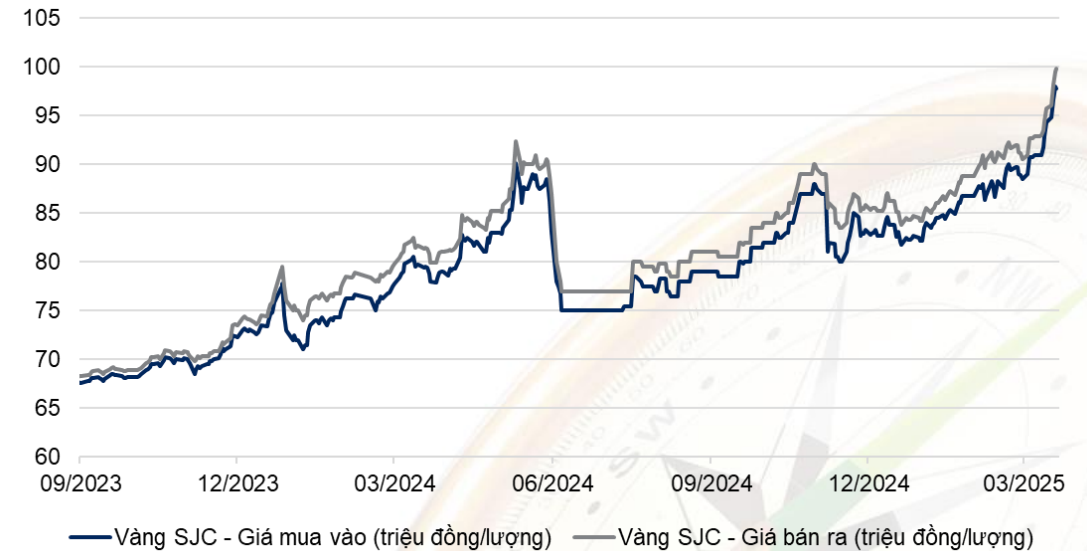
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng tiếp tục neo cao do căng thẳng địa chính trị và kỳ vọng FED hạ lãi suất vào cuối năm

Tính đến ngày 21/03, giá vàng thế giới đạt 3.024 USD/oz, tăng 2,6% sv tuần trước và 3,0% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 94,7-97,7 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua-bán, lần lượt tăng 0,4%/2,0% sv tuần trước



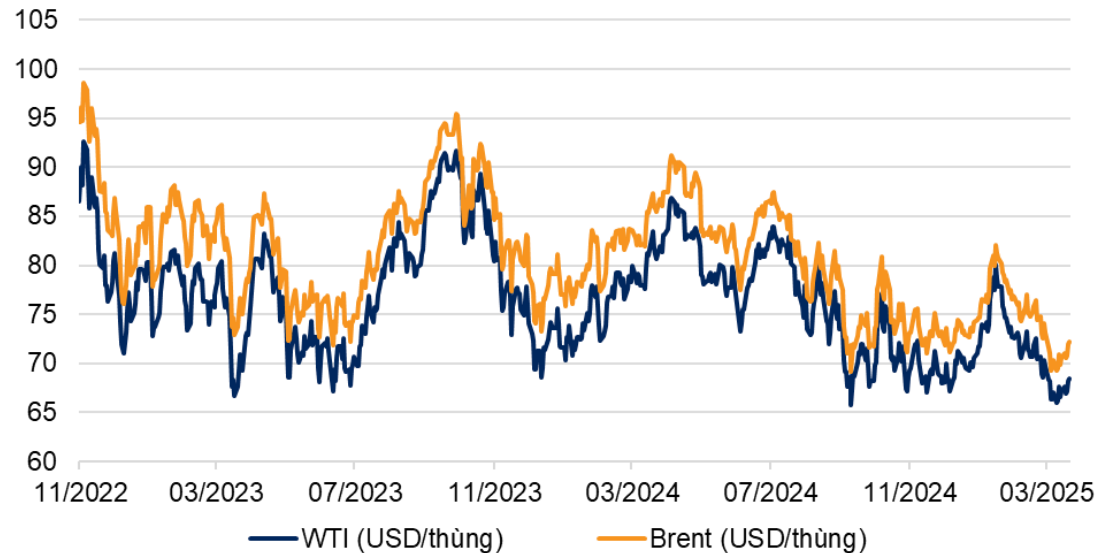
- Giá vàng thế giới thiết lập mức đỉnh lịch sử tại 3.048 USD/ounce vào Thứ Tư (19/03), trong bối cảnh căng thẳng lại gia tăng ở dải Gaza. Giá vàng sau đó điều chỉnh trong hai phiên cuối tuần, do ảnh hưởng của việc nhà đầu tư chốt lời và đồng USD tăng sau khi FED giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp ngày 19/03. Tuy nhiên, FED cho biết có thể sẽ cắt giảm 0,5 điểm % trong năm nay, tương ứng với 2 lần cắt giảm, điều này là một trong các yếu tố hỗ trợ giá vàng neo cao.
- Trong nước, giá vàng miếng cũng tăng lên mức đỉnh lịch sử, vàng SJC đạt 98,0-99,5 triệu đồng/lượng chiều mua-bán vào phiên chiều ngày 19/03. Chênh lệch giá bán sv giá mua trong hai phiên cuối tuần tăng 1 triệu đồng/ngày do nhu cầu mua của người dân tăng cao, trong khi nguồn cung giới hạn. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 21/03 ở mức 4,2 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 25.585).

Nguồn: Bloomberg, FiinPro-X, Vndirect Research

3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô tăng tuần thứ hai liên tiếp do Mỹ trừng phạt dầu Iran và OPEC+ công bố sẽ cắt giảm sản lượng

Tính đến ngày 21/03, giá dầu thô WTI và Brent lần lượt đạt 68,3 và 72,2 USD/thùng, tăng 1,6% và 2,2% sv tuần trước



Tồn kho dầu thô tại Mỹ tăng ròn tuần thứ ba liên tiếp, đạt 1,7 triệu thùng/ngày vào tuần kết thúc ngày 14/03



- Giá dầu thô tiếp tục tăng trong tuần qua, được thúc đẩy bởi các lệnh trừng phạt dầu Iran mới của Mỹ và việc OPEC+ có kế hoạch cắt giảm sản lượng. Mỹ đã áp đặt các lệnh trừng phạt nhắm vào các nhà máy lọc dầu và tàu của Trung Quốc tham gia nhập khẩu dầu thô của Iran, tăng cường chiến dịch "gây sức ép tối đa" của Washington nhằm đưa xuất khẩu dầu của Iran xuống mức 0. ANZ Bank dự đoán rằng các lệnh trừng phạt này sẽ làm giảm xuất khẩu của Iran 1 triệu thùng/ngày. Bên cạnh đó, OPEC+ đã công bố kế hoạch thực hiện cắt giảm sản lượng bổ sung từ 189.000 đến 435.000 thùng/ngày cho đến tháng 6/2026.
- Đại diện phía nhu cầu, thị trường Mỹ đã ghi nhận đà tăng ròn hàng tồn kho dầu thô tuần thứ ba liên tiếp do gia tăng hoạt động của các nhà máy lọc dầu, điều này có thể phản ánh rằng các nhà sản xuất đang kỳ vọng thị trường sẽ tiêu thụ các sản phẩm từ dầu thô sẽ tốt lên trong thời gian tới.

Nguồn: Bloomberg, EIA, IEA, Vndirect Research

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2025	1 năm
Dow Jones	Mỹ	1,20%	-3,32%	-1,31%	6,36%
S&P 500	Mỹ	0,51%	-5,75%	-3,64%	8,28%
Nasdaq	Mỹ	0,17%	-8,91%	-7,91%	8,25%
Euro Stoxx 50	EU	0,15%	-1,14%	10,55%	7,58%
FTSE 100	Anh	0,17%	-0,15%	5,80%	9,03%
Nikkei 225	Nhật Bản	1,68%	-2,84%	-5,56%	-7,85%
Shanghai	Trung Quốc	-1,60%	-0,42%	0,39%	10,39%
Hang Seng	Trung Quốc	-1,13%	0,90%	18,09%	43,58%
Taiwan Weighted	Đài Loan	1,86%	-5,70%	-2,86%	10,62%
SET	Thái Lan	1,09%	-4,78%	-15,25%	-14,08%
KOSPI	Hàn Quốc	2,99%	-0,43%	10,15%	-3,84%
Malaysia Top 100	Malaysia	-0,08%	-5,66%	-9,82%	-1,27%
STI Index	Singapore	2,36%	-0,09%	3,67%	22,02%
IDX Composite	Indonesia	-3,95%	-8,01%	-11,61%	-14,86%
PHS All Shares	Philippine	0,15%	1,83%	-0,57%	3,88%
VN-Index	Việt Nam	-0,32%	1,94%	4,35%	3,13%

Thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận tuần phục hồi nhẹ sau chuỗi 4 tuần giảm điểm liên tiếp trước áp lực từ thuế quan, mối lo suy thoái và sự dịch chuyển của dòng tiền khỏi các cổ phiếu công nghệ vốn hóa lớn. Kết tuần cả ba chỉ số chính đều tăng trong đó chỉ số Dow Jones tăng hơn 1%, trong khi chỉ số S&P 500 tăng 0,51% và Nasdaq tăng 0,17%.

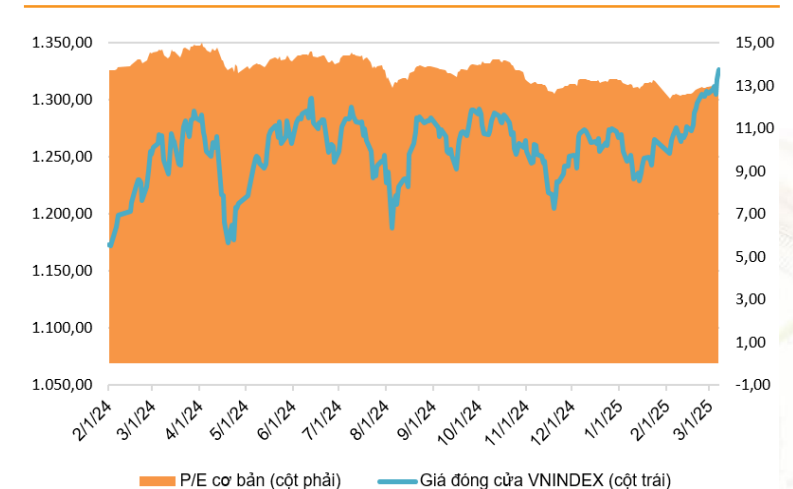
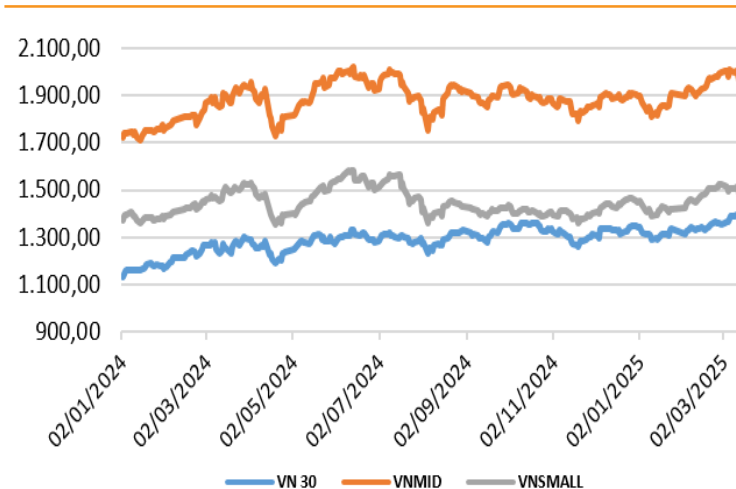
Nhiều thị trường chứng khoán Châu Á cũng ghi nhận 1 tuần phục hồi trong đó thị trường Hàn Quốc tăng gần 3%, các thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan đều ghi nhận mức tăng trên 1%.

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường điều chỉnh với thanh khoản sụt giảm

VN-Index giảm điểm, kết tuần tại mức 1.321,88 điểm, giảm 0,32% sv tuần trước.

Các chỉ số VN30 và VNSML tiếp tục giảm với mức giảm lần lượt là 0,63%/0,77%. Trong khi VNMID tăng 0,12%

P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 13,1x.



- Với 1 phiên tăng điểm và 4 phiên giảm điểm, VN-Index có tuần điều chỉnh đầu tiên sau 8 tuần tăng liên tiếp trước đó. Kết tuần VN-index giảm 4,27 điểm (-0,32%) xuống 1.321,88 điểm. Thanh khoản giao dịch sụt giảm, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 753,2 triệu cp/phiên, giảm 10,5% so với tuần trước và thấp hơn 1% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại gia tăng bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 3.993 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán chuyển sang mua ròng với giá trị mua ròng trong tuần trên sàn HOSE là 1.387 tỷ đồng.
- Các mã GVR và SHB là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 1,2 điểm và 1,02 điểm. Ở chiều ngược lại BID và FPT là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 1,6 điểm và 1,2 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm 2025 (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	-2,1%	1,5%	-0,7%	30,1	3,08	-32,3%
Bảo hiểm	0,0%	0,0%	0,0%	15,4	1,56	0,0%
Bất động sản	0,9%	14,4%	17,3%	17,7	1,37	-13,9%
Công nghệ TT	-2,3%	-9,3%	15,0%	23,9	4,72	-0,8%
Dầu khí	1,0%	-3,6%	1,4%	25,4	1,30	-20,5%
Dịch vụ tài chính	0,0%	5,5%	9,1%	18,9	1,50	-27,9%
Hóa chất	1,6%	1,5%	7,1%	20,9	2,00	-24,2%
Ngân hàng	-0,3%	1,6%	7,2%	10,0	1,57	21,0%
Tài nguyên cơ bản	-2,1%	-2,0%	16,2%	21,6	1,53	-11,3%
Thực phẩm & Đồ uống	-2,4%	-2,2%	-6,1%	18,34	2,83	-24,9%
Viễn thông	-0,2%	-6,1%	12,3%	33,3	6,15	-24,6%
Xây dựng & Vật liệu	0,7%	-1,9%	5,0%	19,9	1,50	-34,9%
VN-Index	-0,32%	1,94%	4,35%	13,09	1,70	-10,5%

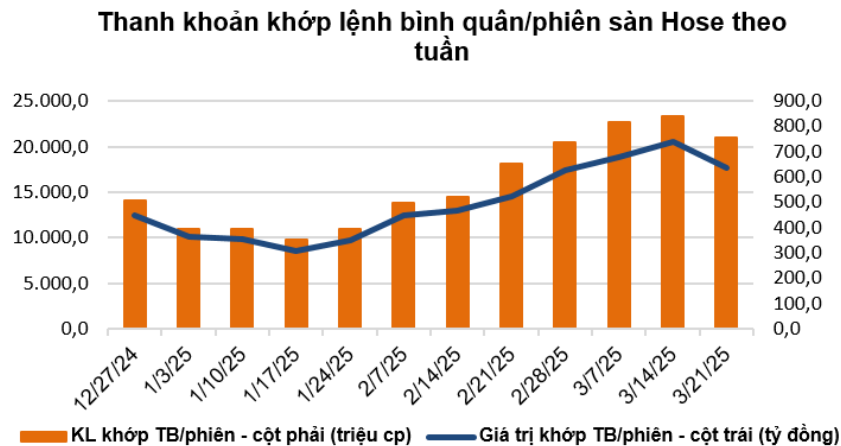
Thị trường điều chỉnh với sự phân hóa giữa các nhóm ngành.

Nhóm Bất động sản tiếp tục có sự phân hóa, trong đó nhóm cổ phiếu Vingroup duy trì đà tăng với VIC (+1,5%), VHM (+0,7%), bên cạnh NLG (+2,5%), DXG (+1,6%)... trong khi nhiều cổ phiếu của nhóm này có sự điều chỉnh như NTL (-6,2%), DXS (-5,6%), NVL (-3,1%)...

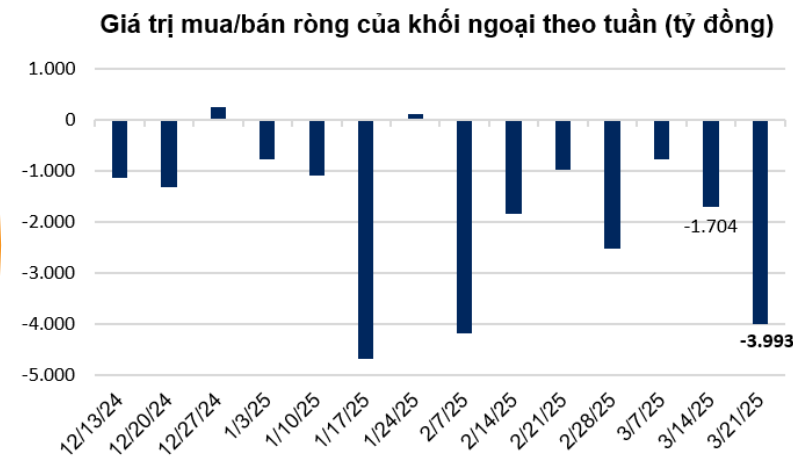
Nhóm Bán lẻ có sự điều chỉnh mạnh hơn thị trường chung, trong đó MWG (-1,9%), DGW (-2,6%), PET (-1,3%)... Nhóm Ngân hàng cũng chịu áp lực điều chỉnh với BID (-2,3%), CTG (-1,5%), OCB (-1,3%), NAB (-1,7%)...

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản sụt giảm và khối ngoại gia tăng bán ròng

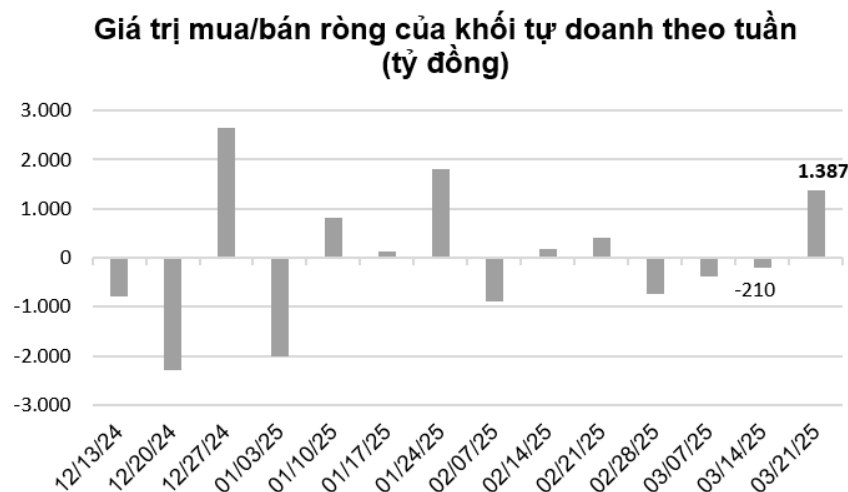
Thanh khoản sụt giảm, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 753,2 triệu cp/phần, giảm 10,5% sv tuần trước và thấp hơn 1% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



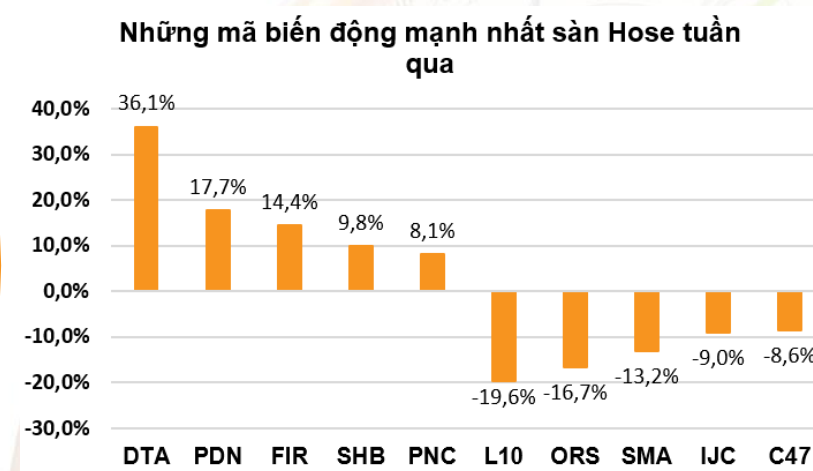
Khối ngoại gia tăng bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là 3.993 tỷ đồng.



Khối tự doanh chuyển sang mua ròng, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối tự doanh là 1.387 tỷ đồng.

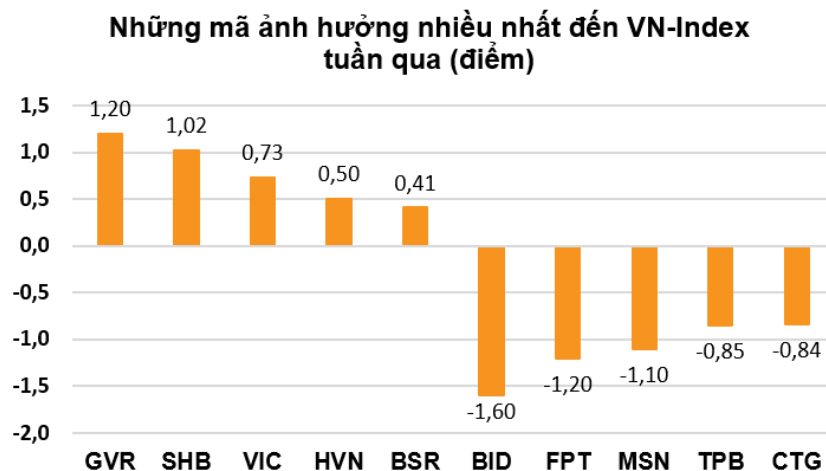


Các cổ phiếu biến động mạnh nhất sàn Hose trong tuần qua (%)

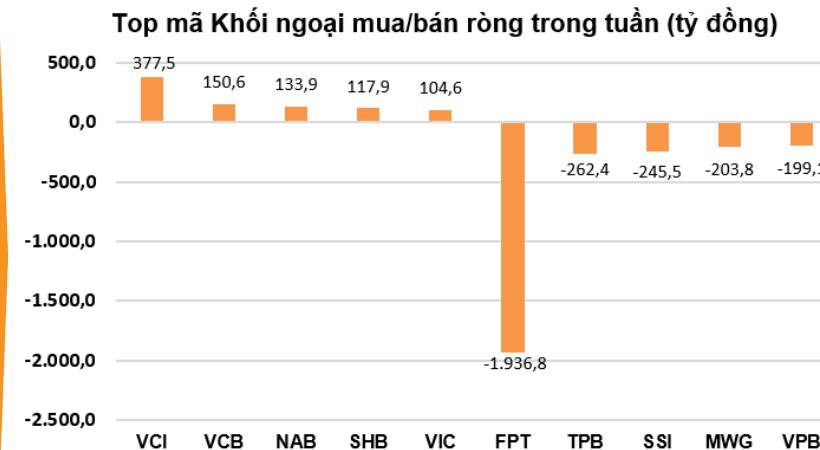


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản sụt giảm và khối ngoại gia tăng bán ròng

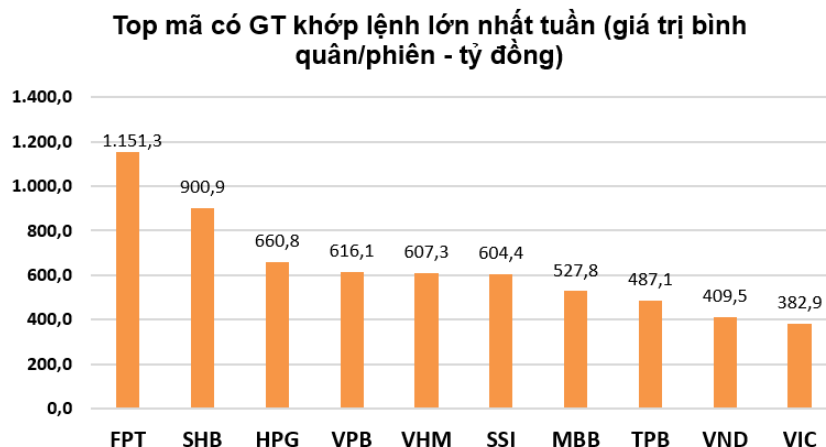
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex - điểm)



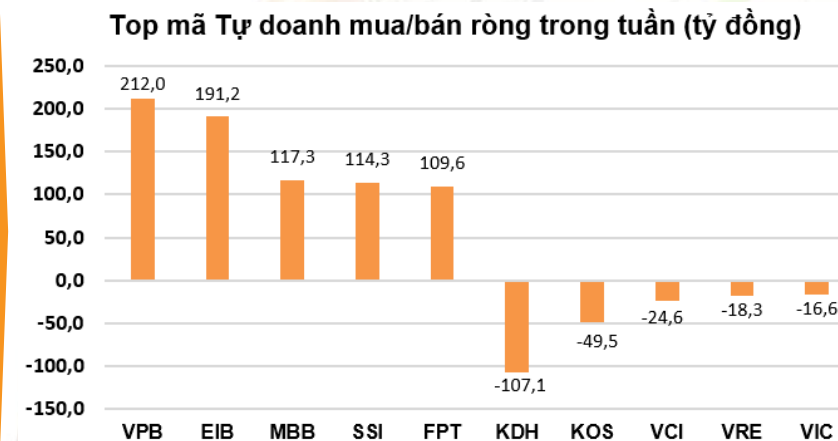
Trong tuần từ 17/03-21/03/2025 VCI là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 377 tỷ đồng. Trong khi FPT là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 1.936 tỷ đồng.



FPT tiếp tục là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp lệnh trung bình là hơn 1.151 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã SHB và HPG với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 900 tỷ đồng và hơn 660 tỷ đồng.



Trong tuần từ 17/03-21/03/2025 VPB là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 212 tỷ đồng, trong khi KDH là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 107 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	POW	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	3,8%	2,9%	14.900	19,7%
2	PC1	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	1,8%	-1,9%	27.100	16,8%
3	BMP	06/03/2025	La Bàn Đầu Tư T3/25	1,5%	-4,1%	140.000	15,9%
4	VCB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,0%	12,7%	74.800	13,3%
5	HDB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,9%	8,7%	34.900	51,7%
6	MWG	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-2,0%	-7,0%	72.100	19,6%
7	FPT	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-2,6%	-11,8%	196.600	53,6%
8	ACV	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-4,2%	-20,0%	133.500	37,9%
9	BCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,4%	9,3%	82.800	5,2%
10	IDC	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,7%	1,1%	62.700	16,3%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
11	HAH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	5,9%	2,6%	55.900	10,0%
12	GMD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	2,2%	-1,0%	73.700	24,1%
13	KDH	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,8%	-5,1%	41.300	27,5%
14	PVD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,9%	3,8%	30.900	32,9%
15	PLX	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	-0,2%	3,9%	46.100	11,6%
16	DCM	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025	0,1%	1,2%	42.700	25,6%
17	HPG	08/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	-1,5%	7,4%	41.000	51,0%
18	KBC	05/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	-0,7%	-1,0%	40.000	37,0%
19	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-1,3%	-6,6%	82.600	34,7%
20	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	-0,5%	3,8%	65.100	33,5%

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
21	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	-5,3%	-11,5%	34.000	92,1%
22	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	0,7%	22,8%	66.400	37,6%
23	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	2,5%	-8,3%	114.400	27,7%
24	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-0,5%	2,6%	23.700	21,5%
25	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,3%	-16,9%	95.100	29,7%
26	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	-2,2%	-13,7%	35.700	31,7%
27	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	2,5%	-18,3%	45.800	33,5%
28	STB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	-0,5%	10,9%	41.500	7,4%
29	TPB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	-8,4%	-10,9%	21.000	42,4%
30	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-0,4%	-2,7%	19.500	56,6%

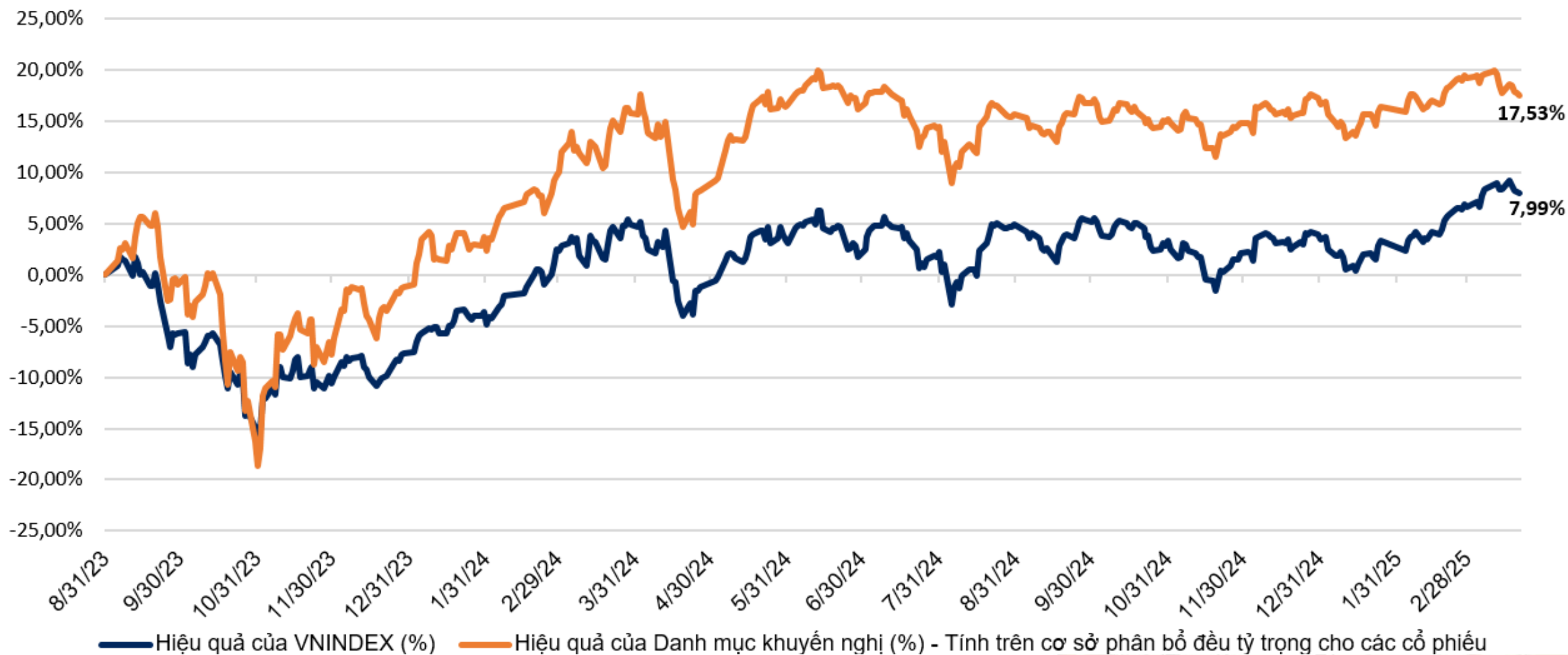
Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
2	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
3	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
4	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
5	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
6	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
7	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
8	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
9	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
10	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
11	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
12	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
13	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
14	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024
15	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Hoạt động thương mại phục hồi	48.000	14/11/2024
16	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Tiêu dùng nội địa phục hồi	26.800	18/12/2024
17	CTD	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		78.900	05/02/2025
18	CTG	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24		39.900	07/02/2025
19	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24		61.200	20/02/2025
20	BAF	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		32.000	24/02/2025
21	VIB	05/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024		21.2000	05/03/2025
22	MBB	14/01/2025	Báo cáo chiến 2025		24.700	07/03/2025

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH

Email: research@vndirect.com.vn

